TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/KDTM-ST
Ngày: 29/01/2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân**.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai.
Ông Dương Xuân Thìn.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Ngô Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân huyện A, Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 102/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-HPT ngày 22/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số 108 phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm,thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Thọ– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Hải Yến - Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh A.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế Q(Theo Văn bản ủy quyền số 927/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 05/08/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần C).

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1969.

Trú tại: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện A, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1967 (Chồng Bà H).

3.2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1990 (Con Bà H, Ông C).

3.3. Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1992 (Vợ Anh H).

3.4. Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1998 (Con Bà H, Ông C).

3.5. Cháu Trần Thị Hải Y, sinh năm 2019 (Con Anh H, Chị O).

Đều trú tại: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện A, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Cháu Trần Thị Hải Y là Anh Trần Văn H và Chị Nguyễn Thị Kim O.

Có mặt: Ông Q Ông C, Bà H, Anh H, Chị H.

Vắng mặt: Chị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 và các bản tự khai tiếp theo, người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 06/11/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần C đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: 102/2019/HĐCVHM/NHCT144 với Bà Ngô Thị H, nội dung cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay là: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng).
- Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay số: 123/2018-HĐCVHM/NHCT144, ngày 02/10/2018.
- Thời hạn vay: Tối đa không quá 05 tháng theo giấy nhận nợ.
- Doanh số đã cho vay: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh gỗ.
- Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ được áp dụng trong từng thời kỳ.

Tổng dư nợ gốc của Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên tính đến ngày 23/12/2020 là: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng), được thể hiện qua các giấy nhận nợ:

- Giấy nhận nợ ngày 13/11/2019: Ngày vay 13/11/2019, ngày đến hạn 13/4/2020; số tiền đã giải ngân: 850.000.000đồng.
- Giấy nhận nợ ngày 24/12/2019: Ngày vay 24/12/2019, ngày đến hạn 24/5/2020; số tiền đã giải ngân: 350.000.000đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Ông Trần Văn C và Bà Ngô Thị H đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 128(a), tờ bản đồ số 45, địa chỉ: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện A, thành phố Hà Nội.Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 535783 do Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2007 mang tên Ông Trần Văn C và Bà Ngô Thị H.

Trong quá trình đôn đốc thu hồi nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho Bà H và gia đình để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản sửa bổ sung Hợp đồng thế chấp đã ký. Tuy nhiên,Bà H vẫn cố không trả nợ.

Nay, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc:

- Bà Ngô Thị H phải trả phần lãi phát sinh, phần nợ gốc chưa trả tạm tính đến ngày 23/12/2020 là:

+ Nợ gốc quá hạn: 1.200.000.000 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 88.049.696 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 37.752.640 đồng.

Tổng cộng: 1.325.802.336 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm linh hai nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng).

Bà Ngô Thị H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 24/12/2020 đến khi tất toán khoản vay.

- Trường hợp Bà Ngô Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 128(a), tờ bản đồ số 45, địa chỉ: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện A, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 535783 do Uỷ ban nhân dân

huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2007 mang tên Ông Trần Văn C và Bà Ngô Thị H.

- Trường hợp phát mại tài sản trên không đủ thanh toán khoản vay, thì Bà Ngô Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết khoản vay.

**** Bị đơn Bà Ngô Thị H trình bày:*** Bà nhất trí với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần C trình bày về toàn bộ quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng giữa bà và Ngân hàng. Bà nhất trí tính đến ngày 23/12/2020, bà còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C các khoản tiền gồm:

+ Nợ gốc quá hạn: 1.200.000.000 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 88.049.696 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 37.752.640 đồng.

Tổng cộng: 1.325.802.336 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm linh hai nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng).

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà hiện nay rất khó khăn nên bà đề nghị Ngân hàng miễn giảm một phần tiền lãi cho bà. Bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho trả nợ dần, mỗi tháng bà sẽ trả Ngân hàng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hiện nay trên tài sản thế chấp cả gia đình bà đang sinh sống gồm: Bà Ngô Thị H, Ông Trần Văn C, Anh Trần Văn H, Chị Nguyễn Thị Kim O, Chị Trần Thị Mỹ H, Cháu Trần Thị Hải Y. Ngoài ra không có ai khác.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Trần Văn C trình bày:*** Ông nhất trí với ý kiến của vợ là Bà H.

- Anh Trần Văn H, Chị Nguyễn Thị Kim O, Chị Trần Thị Mỹ H không cung cấp lời khai.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định đến hết ngày 28/01/2021 Bà Ngô Thị H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C các khoản tiền gồm:

+ Dư nợ gốc: 1.200.000.000 đồng.
+ Dư nợ lãi trong hạn: 99.293.532 đồng.
+ Dư nợ lãi quá hạn: 43.374.544 đồng.

Tổng dư nợ cả gốc và lãi là: 1.342.668.076 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng).

- Bà Ngô Thị H, Ông Trần Văn C, Anh Trần Văn H, Chị Trần Thị Mỹ H nhất trí về số nợ như Nguyên đơn trình bày và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho gia đình tự bán tài sản thế chấp để trả nợ.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với Bà Ngô Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Bà H phải chịu án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét nhận định:

{1}. Về quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

{2}. Về thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Nguyễn Thị Kim O đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị O theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho Chị O là phù hợp pháp luật.

{3}. Về nội dung:

{3.1}. Về hợp đồng tín dụng: Các bên đương sự đều thừa nhận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C, Chi nhánh A và Bà Ngô Thị H có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: 102/2019/HĐCVHM/NHCT144 ngày 06/11/2019, với nội dung cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay là: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng).
- Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay số: 123/2018-HĐCVHM/NHCT144, ngày 02/10/2018.
- Thời hạn vay: Tối đa không quá 05 tháng theo giấy nhận nợ.
- Doanh số đã cho vay: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh gỗ.
- Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ được áp dụng trong từng thời kỳ.

Xét thấy: Việc các bên giao kết hợp đồng tín dụng nêu trên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng này phù hợp pháp luật cả về hình thức và nội dung.

Tính đến hết ngày 28/01/2021, Bà Ngô Thị H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C các khoản tiền gồm:

+ Dư nợ gốc: 1.200.000.000 đồng.
+ Dư nợ lãi trong hạn: 99.293.532 đồng.
+ Dư nợ lãi quá hạn: 43.374.544 đồng.

Tổng dư nợ cả gốc và lãi là: 1.342.668.076 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm bẩy mươi sáu đồng).

Như vậy, cần buộc Bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 28/01/2021 là 1.342.668.076 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm bẩy mươi sáu đồng) và phải tiếp tục trả lãi từ ngày 29/01/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký trên dư nợ gốc thực tế là phù hợp pháp luật.

{3.2}. Về tài sản đảm bảo thì thấy: Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 128a, tờ bản đồ số 45, diện tích 183,67 m^2 có địa chỉ: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện A, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 535783 do UBND Huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2007 mang tên Ông Trần Văn C và Bà Ngô Thị H.

Việc thế chấp tài sản được lập thành Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 106/TC/2014 ngày 25/02/2014 tại Văn phòng công

chứng A; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số công chứng: 167/TC/2014 ngày 06/8/2014; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số công chứng: 475/TC/2016 ngày 30/8/2016. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên ký tại Văn phòng công chứng, có đầy đủ chữ ký của Ngân hàng và các bên liên quan. Các chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Hiện đang sinh sống trên nhà, đất thế chấp gồm có: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1969; Ông Trần Văn C, sinh năm 1967; Anh Trần Văn H, sinh năm 1990; Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1992; Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1998; Cháu Trần Thị Hải Y, sinh năm 2019. Ngoài ra, không còn ai khác.

{4}. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

{5} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 275, 280, 293, 299, 320, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật thi hành án dân sự;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Ngân hàng nhà nước năm 2010;
- Nghị Định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2011 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương đối với Bà Ngô Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần C các khoản tiền tính đến hết ngày 28/01/2021 gồm:

+ Dư nợ gốc: 1.200.000.000 đồng.
+ Dư nợ lãi trong hạn: 99.293.532 đồng.
+ Dư nợ lãi quá hạn: 43.374.544 đồng.

Tổng dư nợ cả gốc và lãi là: 1.342.668.076 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng).

3. Buộc Bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần C từ ngày 29/01/2021 cho đến khi trả hết nợ trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: 102/2019/HĐCVHM/NHCT144 ngày 06/01/2019.

4. Trường hợp Bà Ngô Thị H không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 128a, tờ bản đồ số 45 có địa chỉ: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện A, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 535783 do Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2007 mang tên Ông Trần Văn C và Bà Ngô Thị H.

5.Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C thì Bà Ngô Thị H phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.

6. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Bà Ngô Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí là 52.280.000 đồng (Năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần C được nhận lại 25.037.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, không trăm ba mươi bẩy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0017637 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND T.P Hà Nội;*
- *VKSND huyện A;*
- *Chi cục THADS A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

Đỗ Thị Vân